TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày: 04-04-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ– TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thanh Hương – Bà Trịnh Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 19/01/2022, Thông báo về việc tạm dừng phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 15/02/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 03/3/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 10/3/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 15/3/2022 đối với các bị cáo:

* Bị cáo **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày: 10/02/1967, tại: Bình Định;

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ chuyên môn: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T, sinh năm 1936 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1938 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm: 1969; Con: Có 02 con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang được tại ngoại và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt).*

* Bị cáo **Nguyễn Văn N**, sinh ngày: 17/11/1967, tại: Hà Nội

Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ chuyên môn: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn N1 B, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1948; Vợ: Nguyễn Thị C2, sinh năm: 1971; Con: Có 02 con lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang được tại ngoại và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt).*

* Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thuế Đ2- Đ - C1

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Bà Hoàng Thị Thanh P – Chức vụ: Đội trưởng, Đội kiểm tra thuế - QLN&CCNT *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH xây dựng Nam L hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800485345 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 29/3/2006, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên; thay đổi lần thứ ba ngày 27/9/2016, trụ sở tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây dựng, vận tải, thi công công trình điện do Nguyễn Minh Đ1 làm Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty. Đến năm 2013, Nguyễn Minh Đ1 bổ nhiệm Nguyễn Văn N1 làm kế toán của công ty theo Quyết định số 04/2013 ngày 19/2/2013. Quá trình hoạt động, công ty TNHH xây dựng Nam L áp dụng hóa đơn tự đặt in để khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng (thuế VAT) theo phương pháp khấu trừ theo tháng. Hình thức hạch toán kế toán chứng từ ghi sổ, kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế huyện Đ sau này là Chi cục thuế khu vực Đ2– Đ – C1.

- Năm 2015, công ty TNHH xây dựng Nam L ký một số hợp đồng thi công xây dựng tại huyện Đ và huyện C1, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình thi công xây dựng các công trình trên, công ty TNHH xây dựng Nam L đã thuê P tiện và mua vật liệu của một số cá nhân ở gần khu vực thi công công trình nhưng các cá nhân trên không có hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) để xuất cho công ty TNHH xây dựng Nam L. Do có khối lượng thi công công trình nhưng không có hóa đơn để làm chứng từ thanh toán và kê khai thuế nên Nguyễn Văn N1 báo với Nguyễn Minh Đ1 để liên hệ mua một số hóa đơn GTGT bù vào khối lượng hàng hóa, dịch vụ đang thiếu hóa đơn. Sau khi được sự đồng ý và chỉ đạo của Đ1, căn cứ vào giá trị khối lượng hoàn thành nhưng không có hóa đơn GTGT đầu vào nên N1 đã liên hệ với Nguyễn Thị H trú tại: Khu 6, phường 2, thành phố Bmua 10 hóa đơn GTGT của công ty TNHH Vật liệu xây dựng Vmã doanh nghiệp 5801280206 đăng ký trụ sở tại: Thị trấn L1, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng (*là Doanh nghiệp do Nguyễn Thị H thành lập và thực tế không hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ mua bán hóa đơn, thu lợi bất chính*). Cụ thể các hóa đơn sau:

1. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017145 ghi ngày

02/10/2015 hàng hóa gồm: Đá 1x2, trị giá thanh toán 712.701.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 647.910.000 đồng, tiền thuế GTGT 64.791.000 đồng.

2. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017202 ghi ngày 6/10/2015 hàng hóa gồm: Đá 1x2, trị giá thanh toán 556.600.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 506.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 50.000.000 đồng.

3. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017228 ghi ngày 31/10/2015 dịch vụ gồm: Vận chuyển Đá 1x2 từ B1 về Đ, trị giá thanh toán 524.716.500 đồng, trong đó tiền hàng hóa 477.015.000 đồng, tiền thuế GTGT 47.701.500 đồng.

4. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017232 ghi ngày 3/11/2015 dịch vụ thuê xe ben, trị giá thanh toán 550.000.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 500.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 50.000.000 đồng.

5. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017237 ghi ngày 6/11/2015 hàng hóa gồm: Thuê máy đào, trị giá thanh toán 682.000.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 620.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 62.0000.000 đồng.

6. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017245 ghi ngày 12/11/2015 dịch vụ thuê xe ben, trị giá thanh toán 409.750.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 372.500.000 đồng, tiền thuế GTGT 37.250.000 đồng.

7. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017250 ghi ngày 15/11/2015 dịch vụ gồm: Vận chuyển Đá 1x2 từ B1 về Đ, trị giá thanh toán 843.700.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 767.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 76.700.000 đồng.

8. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017264 ghi ngày 21/11/2015 hàng hóa gồm: Vận chuyển Đá 1x2 từ B1 về Đ, trị giá thanh toán 259.600.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 236.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 23.600.000 đồng.

9. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017279 ghi ngày 25/11/2015 hàng hóa gồm: Thuê máy đào, trị giá thanh toán 272.800.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 248.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 24.800.000 đồng.

10. Hóa đơn GTGT ký hiệu 58AE/11P số 0017294 ghi ngày 29/11/2015 hàng hóa gồm: Thuê máy đào, trị giá thanh toán 279.620.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 254.200.000 đồng, tiền thuế GTGT 25.420.000 đồng.

Tổng giá trị thanh toán ghi trên 10 hóa đơn là 5.091.487.500 đồng, trong đó giá trị hàng hóa dịch vụ là 4.628.625.000 đồng, tiền thuế GTGT là 462.862.500 đồng. Công ty TNHH xây dựng Nam L trả cho Nguyễn Thị H 8% trên tổng giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn đối với vận chuyển cơ giới, 7% đối với hóa đơn mua sắt và 11% đối với hóa đơn mua đá.

Các hóa đơn khống trên Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Minh Đ1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ trong năm 2015 đối với nhiều công trình của công ty TNHH xây dựng Nam L

(*N1 và Đ1 không nhớ rõ hóa đơn nào đã thanh toán công trình nào*). Do các hóa đơn khống nói trên chưa làm thủ tục thanh toán chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán, để hợp thức hóa 10 hóa đơn khống trên H đã tự động chuyển tiền vào tài khoản của công ty TNHH xây dựng Nam L đúng bằng số tiền ghi trên hóa đơn, sau đó Đ1 và N1 đã lập Lệnh chi từ công ty TNHH xây dựng Nam L cho công ty TNHH Vật liệu xây dựng Vtheo số tiền ghi trên hóa đơn đó.

Kết luận giám định ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng kết luận hành vi sử dụng 10 hóa đơn chứng từ không hợp pháp để hạch toán chi phí tính thu nhập chịu thuế năm 2015 của Công ty TNHH xây dựng Nam L dẫn đến trốn thuế số tiền là 1.481.160.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó: Trốn thuế GTGT là 462.862.500 đồng *(Bốn trăm sáu mươi hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng);* Trốn thuế thu nhập doanh nghiệp là 1.018.297.500 đồng *(Một tỷ không trăm mười tám triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).*

- Năm 2017, cũng với mục đích mua bán hóa đơn giá trị gia tăng nhằm hợp thức hoá khối lượng công việc đã thi công, tiền thuê nhân công và P tiện phục vụ các gói thầu xây dựng không có đủ hóa đơn để thanh quyết toán công trình mà công ty TNHH xây dựng Nam L đã trúng thầu trên địa bàn huyện Đ, C1. Được sự chỉ đạo của Nguyễn Minh Đ1 – Giám đốc công ty TNHH xây dựng Nam L, Nguyễn Văn N1 đã liên hệ với Trần Thị Thanh N2 trú tại: Số 277, Nguyễn Văn C, phường L1, thành phố B mua 07 hóa đơn GTGT gồm: 01 hóa đơn của Công ty TNHH TM&DV Đ mã doanh nghiệp 5801319213 đăng ký trụ sở tại xã L thành phố B; 03 hóa đơn của Công ty TNHH TM&DV N2 mã doanh nghiệp 5801327334 trụ sở tại xã L2, thành phố B, 03 hóa đơn của Công ty TNHH TM&DV Vmã doanh nghiệp 5801327341, trụ sở tại xã Đại Lào, Tp. B đều là các doanh nghiệp do Trần Thị Thanh N2 thành lập dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thị H và thực tế không hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ mua bán hóa đơn, thu lợi bất chính. Cụ thể các hóa đơn sau:

1. Hóa đơn GTGT ký hiệu GP/16P số 0000091 ghi ngày 05/02/2017 hàng hóa gồm: Sắt phi 20, trị giá thanh toán 478.632.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 435.120.000 đồng, tiền thuế GTGT 43.512.000 đồng.

2. Hóa đơn GTGT ký hiệu NV/17P số 0000024 ghi ngày 07/02/2017 dịch vụ gồm: Thuê máy đào, trị giá thanh toán 702.460.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 638.600.000 đồng, tiền thuế GTGT 63.860.000 đồng.

3. Hóa đơn GTGT ký hiệu NV/17P số 0000029 ghi ngày 14/02/2017 dịch vụ gồm: Thuê máy lu, máy đào, trị giá thanh toán 717.420.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 652.200.000 đồng, tiền thuế GTGT 65.220.000 đồng.

4. Hóa đơn GTGT ký hiệu NV/17P số 0000034 ghi ngày 25/02/2017 dịch vụ gồm: Thuê máy ủi, trị giá thanh toán 663.080.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 602.800.000 đồng, tiền thuế GTGT 60.280.000 đồng.

5. Hóa đơn GTGT ký hiệu VM/17P số 0000058 ghi ngày 16/02/2017 dịch vụ gồm: Vận chuyển đá 1x2 từ Bđi Đ trị giá thanh toán 641.190.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa: 582.900.000 đồng, tiền thuế GTGT 58.290.000 đồng.

6. Hóa đơn GTGT ký hiệu VM/17P số 0000063 ghi ngày 28/02/2017 dịch vụ gồm: Vận chuyển đá 1x2 và vận chuyển đá 0x4 từ B đi Đ trị giá thanh toán 637.681.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 579.710.000 đồng, tiền thuế GTGT 57.971.000 đồng.

7. Hóa đơn GTGT ký hiệu VM/17P số 0000054 ghi ngày 8/02/2017 dịch vụ gồm: Vận chuyển đá 1x2 và đá 4x6 từ B đi Đ trị giá thanh toán 672.452.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa 611.320.000 đồng, tiền thuế GTGT 61.132.000 đồng.

Tổng giá trị thanh toán ghi trên 07 *(bảy)* hóa đơn GTGT là 4.512.915.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa dịch vụ là 4.102.650.000 đồng, tiền thuế GTGT là 410.265.000 đồng. Tỷ lệ % hóa đơn N1 và Đ1 cũng trả cho N2 tương tự như trả cho H vào năm 2015. Do các hóa đơn khống nói trên chưa làm thủ tục thanh toán chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán, nên để hợp thức hóa các hóa đơn khống trên N2 tự chuyển tiền vào tài khoản của công ty TNHH xây dựng Nam L bằng số tiền ghi trên hóa đơn, rồi N1 và Đ1 lập Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản của công ty TNHH xây dựng Nam L vào tài khoản của các công ty TNHH TM&DV Đ2, công ty TNHH TM&DV Nguyễn Văn và công ty TNHH TM&DV V theo số tiền trên hóa đơn. 07 (*bảy*) hóa đơn khống trên Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Minh Đ1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ trong năm 2017 đối với nhiều công trình của công ty TNHH xây dựng Nam L.

Kết luận giám định ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng kết luận hành vi sử dụng 07 hóa đơn chứng từ không hợp pháp để hạch toán chi phí tính thu nhập chịu thuế năm 2017 của công ty TNHH xây dựng Nam L dẫn đến trốn thuế số tiền là 1.230.795.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó: Trốn thuế GTGT là 410.265.000 đồng *(Bốn trăm mười triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng),* trốn thuế thu nhập doanh nghiệp là 820.530.000 đồng (*Tám trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Như vậy, tổng cộng trong 02 năm 2015 và 2017, Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Văn N1 đã mua và sử dụng 17 hóa đơn GTGT khống của các doanh nghiệp do Nguyễn Thị H và Trần Thị Thanh N2 thành lập với tổng giá trị thanh toán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 9.604.402.500 đồng (*Chín tỷ sáu trăm linh bốn triệu bốn trăm linh hai nghìn năm trăm đồng)*, trong đó tiền hàng hóa, dịch vụ là 8.731.275.000 đồng (*Tám tỷ bảy trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), thuế GTGT là 873.127.500 đồng (*Tám trăm bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) để kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra nhằm mục đích trốn thuế, số tiền trốn thuế là 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu*

*chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).*Trong đó: Năm 2015 số tiền trốn thuế là 1.481.160.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*), năm 2017 số tiền trốn thuế là 1.230.795.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSĐT ngày 16/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ1 và bị cáo Nguyễn Văn N1 về tội "Trốn thuế", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ1 từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ đối với bị cáo Đ1 và phạt tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ đối với bị cáo N1.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới nộp toàn bộ số tiền trốn thuế của công ty TNHH xây dựng Nam L trong hai năm 2015, 2017 là 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* cho Chi cục Thuế Đ2- Đ - C1 để nộp Ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra, bị cáo Đ1 đề nghị tự khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế, không yêu cầu bị cáo N1 phải liên đới bồi thường. Tuy nhiên, trong giai đoạn truy tố, bị cáo N1 đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* theo biên lai thu số 0000168 ngày 02/12/2021, bị cáo Đ1 tự nguyện nộp số tiền 1.500.000.000 đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)* theo biên lai thu số 0000169 ngày 13/12/2021 và 0000170 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo Đ1 đã tiếp tục tự nguyện nộp số tiền 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* theo biên lai thu số 0000181 ngày 11/3/2022, bị cáo N1 đã tiếp tục tự nguyện nộp số tiền là 691.955.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi mốt triệu chín trăm năm mươi năm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000182 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Như vậy xác nhận bị cáo Đ1 và bị cáo N1 đã nộp đủ toàn bộ số tiền 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi năm nghìn đồng).*

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong năm 2015 và năm 2017, nhằm hợp thức hoá hàng hóa dịch vụ mua vào không có hóa đơn, chứng từ trong khối lượng công việc đã thi công các gói thầu xây dựng để quyết toán công trình, bị cáo Nguyễn Minh Đ1 - Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm giám đốc công ty TNHH xây dựng Nam L đã chỉ đạo kế toán là bị cáo Nguyễn Văn N1 mua 17 hóa đơn GTGT của 04 công ty là công ty TNHH TM&DV Đ2, mã số thuế 5801319213, công ty TNHH XD&TM Nguyễn Văn, mã số thuế 5801327334 và công ty TNHH XD&TM Văn Minh, mã số thuế: 5801327341 và công ty TNHH Vật liệu xây dựng V mã số thuế 5801280206 (các doanh nghiệp này không hoạt động sản xuất kinh doanh mà chỉ với mục đích mua bán hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính) để kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra nhằm mục đích trốn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước với tổng số tiền trốn thuế là 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).* Trong đó: Năm 2015 mua 10 hóa đơn không hợp pháp để khai thuế, số tiền trốn thuế là 1.481.160.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*); Năm 2017 mua 07 hóa đơn không hợp pháp để khai thuế, số tiền trốn thuế là 1.230.795.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn để trốn thuế của bị cáo Đ1 và bị cáo N1 đã vi phạm các quy định tại khoản 4, 5 Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và đã phạm vào tội "Trốn thuế" quy

định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên đến năm 2020 hành vi "Trốn thuế" của các bị cáo mới bị phát hiện và theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy căn cứ khoản 3 Điều 7, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội thì cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội "Trốn thuế" đối với bị cáo Đ1 và bị cáo N1 theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng chính sách quản lý Nhà nước về kinh tế và gây thất thoát tiền thuế giá trị gia tăng của Nhà nước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật. Đây là vụ án trốn thuế có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Đ1 với vai trò là Giám đốc của công ty TNHH xây dưng Nam L là người quyết định mọi công việc và chỉ đạo cho bị cáo N1 thực hiện. Do đó hành vi của bị cáo Đ1 phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo N1.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất; mức độ; hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh để đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với các bị cáo và các doanh nghiệp khác trên địa bàn về tuân thủ, thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh của mình mà Nhà nước quy định. Xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn, khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trong quá trình làm việc từ năm 2015 đến 2018 bị cáo Đ1 liên tiếp được tặng nhiều giấy khen vì đạt nhiều thành tích trong công tác cũng như phong trào của huyện C1 và huyện Đ, do đó bị cáo Đ1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

Đồng thời xét thấy hoạt động của Công ty TNHH xây dựng Nam L cũng tạo ra nhiều việc làm cho người lao động trên địa bàn, toàn bộ số tiền trốn thuế đã được các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả do các bị cáo gây ra do đó không cần cách ly các bị cáo mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người hữu ích là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Đồng thời nhận thấy tình hình dịch bệnh

Covid-19 trong giai đoạn hiện nay kinh doanh khó khăn, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn của địa P nói chung và công ty TNHH xây dựng Nam L nói riêng phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Trong vụ án này, còn có Nguyễn Thị H, Trần Thị Thanh N2 và một số người liên quan đến công ty TNHH TM&DV Đ2, công ty TNHH XD&TM Nguyễn Văn, công ty TNHH XD&TM Vvà công ty TNHH Vật liệu xây dựng Vđã bán hóa đơn cho các bị cáo để khai báo thuế GTGT trong năm 2015 và năm 2017 nhằm mục đích trốn thuế. Tuy nhiên, hành vi mua bán bất hợp pháp hóa đơn của H, N2 và đồng phạm đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vào ngày 29/01/2021. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hoàng Thị Thanh P – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền mà công ty TNHH xây dựng Nam L đã trốn thuế trong năm 2015, 2017 là 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* cho Chi cục Thuế Đ2- Đ - C1 để nộp Ngân sách nhà nước. Xét thấy yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 15 (*Mười lăm*) liên 2 hóa đơn GTGT (*sao y bản chính*) gồm 08 *(tám)* hóa đơn ký hiệu 58AE/11P, các số: 17145, 17228, 17232, 17245, 17250, 17264, 17279, 17294 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Việt Trí; 01 *(một)* hóa đơn GTGT ký hiệu GP/16P số 91 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH TM & DV Đ2; 03 *(ba)* hóa đơn GTGT ký hiệu NV/17P các số 24, 29, 34 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH XD&TM Nguyễn V1; 03 *(ba)* hóa đơn GTGT ký hiệu VM/17P các số 54, 58, 63 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH XD&TM Vdo Cơ quan CSĐT công an Thành phố Bsao y trong hồ sơ vụ án Nguyễn Thị H, Trần Thị Thanh N2 và đồng phạm về tội Mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại Thành phố Bảo Lộc.

- 02 *(hai)* liên 2 hóa đơn GTGT (bản chính) ký hiệu 58AE/11P, số: 0017202, 0017237 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Vdo Nguyễn Văn N1 giao nộp.

Xét thấy các vật chứng trên là tài liệu, chứng cứ chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu và tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT công an huyện Đ yêu cầu Nguyễn Văn N1 giao nộp toàn bộ hồ sơ khai báo thuế, bảng kê hóa đơn, chứng từ đầu vào, đầu ra cùng các hóa đơn chứng từ đầu vào của công ty TNHH xây dựng Nam L vào năm 2015 và 2017; yêu cầu Chi cục thuế Khu vực Đ2- ĐạTẻh - C1 cung cấp hồ

sơ khai báo thuế của công ty TNHH xây dựng Nam L vào năm 2015 và 2017. Sau khi kiểm tra, đối chiếu thấy không có gì bất minh trong các hóa đơn đầu vào khác nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho của công ty TNHH xây dựng Nam L là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Văn N1 phạm tội *"Trốn thuế".*

Áp dụng điểm d khoản 1 khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ1 18 *(Mười tám)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 *(Ba mươi sáu)* tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm d khoản 1 khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 *(Ba mươi)* tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 275, Điều 288, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ1 và bị cáo Nguyễn Văn N1 phải có trách nhiệm liên đới nộp toàn bộ số tiền mà công ty TNHH xây dựng Nam L đã trốn thuế trong hai năm 2015, 2017 là 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi năm nghìn đồng)* cho Chi cục Thuế Đ2- Đ - C1

để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền 2.711.955.000 đồng *(Hai tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi năm nghìn đồng)* theo các biên lai thu số 0000168 ngày 02/12/2021, số 0000182 ngày 16/3/2022, số 0000169 ngày 13/12/2022, số 0000170 ngày 16/12/2021 và số 0000181 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 106 BLTTHS, tịch thu và tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án:

- 15 (*Mười lăm*) liên 2 hóa đơn GTGT (*sao y bản chính*) gồm 08 *(tám)* hóa đơn ký hiệu 58AE/11P, các số: 17145, 17228, 17232, 17245, 17250, 17264, 17279, 17294 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Việt Trí; 01 *(một)* hóa đơn GTGT ký hiệu GP/16P số 91 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH TM & DV Đ2; 03 *(ba)* hóa đơn GTGT ký hiệu NV/17P các số 24, 29, 34 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH XD&TM Nguyễn Văn; 03 *(ba)* hóa đơn GTGT ký hiệu VM/17P các số 54, 58, 63 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH XD&TM Vdo Cơ quan CSĐT công an Thành phố Bsao y trong hồ sơ vụ án Nguyễn Thị H, Trần Thị Thanh N2 và đồng phạm về tội Mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại Thành phố Bảo Lộc.

- 02 *(hai)* liên 2 hóa đơn GTGT (bản chính) ký hiệu 58AE/11P, số: 0017202, 0017237 mà công ty TNHH xây dựng Nam L mua của công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Vdo Nguyễn Văn N1 giao nộp.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ1 và bị cáo Nguyễn Văn N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Chuyển lưu Thi hành án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Đạo